

Số: /2025/QĐ-UBND Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### **Ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 552/TTr-SNNMT ngày 02/12/2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Y tế;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT, KTTH, KGVX, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KTN <sub>Tân</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Quang Khải**

## QUY ĐỊNH

### Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 6 Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và khoản 5 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Việc phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải y tế nguy hại trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế thực hiện theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở y tế, bao gồm: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng, cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược, điểm khám bệnh, khu cách ly y tế có phát sinh chất thải rắn y tế nguy hại.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

3. Cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm theo quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 20/2021/TT-BYT tồn tại ở trạng thái rắn.

2. Khu cách ly y tế là nơi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập để thu dung, điều trị ca bệnh truyền nhiễm trong trường hợp dịch bệnh bùng phát.

3. Điểm khám bệnh là địa điểm hoạt động trực thuộc các Trạm y tế xã, phường.

#### **Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại**

1. Chất thải rắn y tế nguy hại phải được phân loại, thu gom riêng biệt với các loại chất thải y tế khác ngay tại nơi phát sinh theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế và được xử lý theo thứ tự ưu tiên theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định, không làm phát tán chất thải ra bên ngoài.

3. Cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phải được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép theo quy định, đảm bảo chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Mô hình, địa điểm xử lý chất thải rắn y tế nguy hại**

1. Mô hình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bao gồm:

a) Cơ sở y tế ký hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại để chuyển giao, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại;

b) Cơ sở y tế tự xử lý cho cơ sở mình khi đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại của cơ sở không đảm bảo hoặc có sự cố phát sinh chất thải gây quá tải cho công trình xử lý hoặc những loại chất thải không tự xử lý được tại cơ sở của mình thì phải thực hiện theo điểm a khoản này;

c) Cơ sở y tế xử lý cho các cơ sở y tế lân cận (theo mô hình cụm) được quy định tại khoản 4 Điều 70 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; cơ sở xử lý cho cụm cơ sở y tế không được xử lý những loại chất thải rắn y tế nguy hại không phù hợp với công trình xử lý của cơ sở. Trường hợp công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại mô hình cụm không đảm bảo hoặc có sự cố phát sinh chất thải gây quá tải cho công trình xử lý hoặc những loại chất thải không tự xử lý được tại cụm thì thực hiện theo điểm a khoản này.

2. Địa điểm xử lý chất thải rắn y tế nguy hại:

a) Xử lý tại các địa điểm thuộc cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo Giấy phép môi trường, Giấy phép xử lý chất thải nguy hại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Tự xử lý tại hệ thống, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại của cơ sở y tế;

c) Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế (chất thải y tế của một cụm cơ sở y tế được thu gom và xử lý tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở y tế trong cụm). Các cơ sở y tế trong phạm vi cụm xử lý có trách nhiệm ký hợp đồng để chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh cho cơ sở xử lý cho cụm cơ sở y tế theo quy định, trừ các cơ sở y tế quy định tại điểm a khoản này.

(Danh mục các cơ sở xử lý theo cụm cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

**Điều 6. Phạm vi, phương thức thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại**

1. Phạm vi thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại bao gồm:

a) Từ các cơ sở y tế đến cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, cơ sở xử lý cho cụm cơ sở y tế;

b) Từ các điểm khám bệnh, khu cách ly y tế, các cơ sở y tế trực thuộc về các Bệnh viện, Trung tâm Y tế, Trạm y tế quản lý trực tiếp.

2. Phương thức thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại bao gồm:

a) Các cơ sở y tế ký hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có Giấy phép môi trường, Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp để thu gom, vận chuyển. Phương thức thu gom, vận chuyển theo giấy phép được cấp;

b) Đối với các cơ sở xử lý tại chỗ: Thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ các khu vực phát sinh, khu vực lưu giữ về địa điểm xử lý của cơ sở mình đảm bảo theo quy định về quản lý chất thải y tế;

c) Các điểm khám bệnh, khu cách ly y tế ưu tiên thực hiện chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định tại điểm a, b khoản này; trường hợp không ký được hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, không xử lý tại chỗ được thì vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại đến các Bệnh viện, Trung tâm Y tế, Trạm y tế quản lý trực tiếp hoặc các cơ sở y tế xử lý cho cụm theo điểm c khoản 2 Điều 5 Quy định này để lưu giữ, chuyển giao, xử lý;

d) Các Bệnh viện, Trung tâm Y tế, Trạm y tế, cơ sở y tế công lập khác ưu tiên thực hiện chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định tại điểm a, b khoản này; trường hợp không ký được hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thì vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại đến các cơ sở y tế xử lý cho cụm theo điểm c khoản 2 Điều 5 Quy định này để lưu giữ, chuyển giao, xử lý;

đ) Các phòng khám tư nhân trong trường hợp không ký được hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thì vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại đến các cơ sở y tế xử lý cho cụm theo điểm c khoản 2 Điều 5 Quy định này để lưu giữ, chuyển giao, xử lý;

e) Việc chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình cụm phải được ghi vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo mẫu quy định tại Phụ

lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT và lập chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**Điều 7. Yêu cầu đối với thiết bị, phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại**

1. Thiết bị, phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại phải đáp ứng quy định tại Điều 36, Điều 37, khoản 3 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại đối với các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 6 Quy định này phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 83 Luật số 72/2020/QH14, khoản 3 Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 1 Điều này.

**Điều 8. Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại**

1. Thông tin về các cơ sở xử lý cho cụm cơ sở y tế được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế.

2. Thông tin về các cơ sở thực hiện dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại thực hiện công khai thông tin như sau:

a) Các cơ sở xử lý cho cụm cơ sở y tế thực hiện công khai thông tin về loại, số lượng chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom, xử lý, phương pháp xử lý; thông tin về tên, địa chỉ các cơ sở y tế được thu gom, xử lý và các thông tin về môi trường khác lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo khoản 1 Điều 119 Luật số 72/2020/QH14 và khoản 1 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

b) Các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thực hiện công khai thông tin về loại, số lượng chất thải nguy hại thu gom, xử lý, phương pháp xử lý; thông tin về tên, địa chỉ chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý và các thông tin về môi trường khác theo quy định tại khoản 3 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quy định này; chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh, kiểm tra, giám

sát định kỳ và đột xuất quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;

b) Công khai thông tin về các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên Công thông tin điện tử của cơ quan.

## 2. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quy định này; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo đúng quy định;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường theo địa bàn quản lý thực hiện kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại của các cơ sở y tế; nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phân bổ kinh phí đầu tư, nâng cấp, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Công khai thông tin về các cơ sở xử lý cho cụm cơ sở y tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan; chỉ đạo các cơ sở y tế xây dựng, bố trí kinh phí và triển khai thực hiện Quy định này;

đ) Chủ trì hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại từ các khu cách ly y tế tập trung (bên ngoài khuôn viên cơ sở y tế) đến cơ sở xử lý chất thải y tế nguy hại trong trường hợp phát sinh dịch bệnh quy mô lớn theo quy định.

## 3. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh theo quy định.

## 4. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm trong việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế trong việc quản lý nhà nước về chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

## 5. UBND các xã, phường trên địa bàn

a) Phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn quản lý;

b) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại đối với hoạt động khám, chữa bệnh ngoài cơ sở y tế; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với những hành vi vi phạm về quản lý chất thải y tế nguy hại;

c) Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, đặc biệt là quản lý chất thải y tế phát sinh trong hoạt động khám, chữa bệnh tại nhà.

#### 6. Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

a) Tổ chức thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo Quy định này và các quy định khác có liên quan. Xây dựng phương án, kế hoạch quản lý chất thải rắn y tế nguy hại đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn y tế nguy hại tại cơ sở đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục B Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT;

b) Thực hiện các biện pháp, bố trí trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải rắn y tế nguy hại gây ra (trong đó bao gồm cả phương án xử lý trong trường hợp lượng chất thải gia tăng bất thường do dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng) hoặc trình cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Thường xuyên kiểm tra, phổ biến, tuyên truyền, tập huấn kiến thức, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn y tế nguy hại đối với nhân viên y tế;

d) Bố trí cán bộ quản lý, theo dõi, thống kê, cập nhật hồ sơ, tài liệu, hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại, số liệu báo cáo về công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế của đơn vị. Chấp hành chế độ kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại;

đ) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 83 Luật số 72/2020/QH14, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

e) Lưu giữ các hồ sơ về môi trường và các giấy tờ, tài liệu có liên quan khác quy định tại Điều 14 Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

#### 7. Cơ sở thực hiện dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 83, Điều 85 Luật số 72/2020/QH14, Điều 69, Điều 72 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại chỉ được ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh khi có đầy đủ giấy phép hoạt động, hồ sơ năng lực theo quy định;

c) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại thực hiện cung cấp thông tin, báo cáo về hoạt động xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định.

### **Điều 10. Chế độ báo cáo**

1. Các cơ sở y tế thực hiện chế độ báo cáo về Sở Y tế theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

2. Cơ sở phát sinh chất thải y tế lập và gửi báo cáo công tác quản lý chất thải y tế quy định tại Điều 13 Thông tư số 20/2021/TT-BYT chung với báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm có tích hợp báo cáo kết quả công tác quản lý chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định tại Điều 118 Luật số 72/2020/QH14 và khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Sở Y tế báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế nguy hại gửi Cục quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 13 Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp./.

## PHỤ LỤC

### Danh mục các cơ sở xử lý theo cụm cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

TT	Tên cụm xử lý	Cơ sở thực hiện xử lý	Phạm vi thực hiện xử lý	Tình trạng hoạt động	Đơn vị thu gom, vận chuyển
1	Cụm số 1	Bệnh viện Phôi Bắc Ninh số 1	Một số Bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các phường: Bắc Giang, Đa Mai, Tiền Phong, Tân An, Yên Dũng, Tân Tiến, Cảnh Thụy và xã Đông Việt (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
2	Cụm số 2	Trung tâm Y tế Tân Yên	Một số Bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các xã: Tân Yên, Ngọc Thiệp, Nhã Nam, Phúc Hòa, Quang Trung, Yên Thế, Bó Hạ, Đông Kỳ, Xuân Lương, Tam Tiến, Lạng Giang, Mỹ Thái, Kép, Tân Dĩnh, Tiên Lục, Xuân Cầm, Hiệp Hòa, Hợp Thịnh, Hoàng Vân (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
3	Cụm số 3	Trung tâm Y tế Lục Ngạn	Một số Bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các xã: Tuấn Đạo, Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Yên Định, An Lạc, Văn Sơn, Biền Động, Lục Ngạn, Đèo Gia, Sơn Hải, Tân Sơn, Biền Sơn, Sa Lý, Lục Sơn, Trường Sơn, Cẩm Lý, Đông Phú, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Lũng, Bảo Đài (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
4	Cụm số 4	Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2	Một số Bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các phường: Kinh Bắc, Võ Cường, Vũ Ninh, Nam Sơn, Hạp Lĩnh (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
5	Cụm số 5	Bệnh viện phôi Bắc Ninh số 2	Xử lý cho Bệnh viện Y học cổ truyền và bệnh viện phục hồi chức năng và các y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận

			trên địa bàn phường Vũ Ninh (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).		chuyển khi đủ điều kiện
6	Cụm số 6	Trung tâm y tế Từ Sơn	Trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các phường: Từ Sơn, Tam Sơn, Đồng Nguyên, Phù Khê (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
7	Cụm số 7	Trung tâm y tế Tiên Du	Trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các xã: Tiên Du, Liên Bảo, Tân Chi Đại Đồng, Phật Tích (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
8	Cụm số 8	Trung tâm y tế Yên Phong	Trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các xã: Yên Phong, Văn Môn, Tam Giang, Yên Trung, Tam Đa (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
9	Cụm số 9	Trung tâm y tế Quế Võ	Trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các phường: Quế Võ, Phương Liễu, Nhân Hòa, Đào Viên, Bồng Lai và các xã: Chi Lăng, Phù Lăng (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
10	Cụm số 10	Trung tâm y tế Thuận Thành	Trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các phường: Thuận Thành, Mão Điền, Trạm Lộ, Trí Quả, Song Liễu, Ninh Xá (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
11	Cụm số 11	Trung tâm y tế Gia Bình	Trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các xã: Gia Bình, Nhân Thắng, Đại Lai, Đông Cứu, Cao Đức (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện
12	Cụm số 12	Trung tâm y tế Lương Tài	Trung tâm y tế, trạm y tế, cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn các xã: Lương Tài, Lâm Thao, Trung Chính, Trung Khê (trừ các cơ sở tự xử lý hoặc thuê xử lý).	Hoạt động không thường xuyên	Thuê vận chuyển hoặc tự vận chuyển khi đủ điều kiện